

UBND QUẬN HÀ ĐÔNG
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

Năm học 2022-2023

Trường tiểu học Vạn Bảo

A- Các chỉ tiêu về học tập của học sinh:

I. Phát triển số lượng:

Khối	Số lớp	TSHS	Nữ	HS học 2 buổi/ngày		HS ăn bán trú		Học sinh khuyết tật		Tỷ lệ H/S hoàn thành CT lớp học	Dự kiến Tỷ lệ H/S chưa hoàn thành CT lớp học
				Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Tổng số	Số HS có hồ sơ KT		
1	6	200	100	6	200	6	198			100	0
2	9	274	128	9	274	9	271			100	0
3	9	363	183	9	363	9	353			100	0
4	4	182	91	4	182	4	180	02	02	100	0
5	4	192	91	4	192	4	175			100	0
Tổng	32	1211	594	32	1211	32	1177			100	0

* Lớp học tình thương: Số lớp:0 Số học sinh: 0

* Tổng số học sinh là con thương binh, con liệt sỹ: 0

* Tổng số học sinh có sổ hộ nghèo: 0, cận nghèo: 0

* Tổng số học sinh là con dân tộc: 15 Nữ: 7.

Lưu ý: HS học 2 buổi/ngày và ăn bán trú chỉ thực hiện khi học sinh học tại trường.

II. Chất lượng giáo dục:

1. Đánh giá kết quả học tập các môn học đối với lớp 1, 2, 3

(theo TT27/2020/TT- BGDĐT):

TT	Môn học	TS HS được đánh giá	Hoàn thành Tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Tiếng Việt	837	470	56.2	367	43.8	0	0
2	Toán	837	482	57.6	355	42.4	0	0
3	Đạo đức	837	493	58.9	345	41.1	0	0
4	Tự nhiên và Xã hội	837	465	55.6	373	44.4	0	0
5	Âm nhạc	837	469	56	369	44	0	0
6	Mĩ thuật	837	503	60	335	40	0	0
7	Thể dục	837	503	60	335	40	0	0
8	Hoạt động trải nghiệm	837	471	56.3	376	43.7	0	0
9	Tin học	363	217	59.8	233	40.2	0	0
10	Công nghệ	363	193	53.2	170	46.8	0	0
11	Tiếng Anh	363	193	53.2	170	46.8	0	0

2. Đánh giá về phẩm chất năng lực đối với học sinh lớp 1, 2, 3.

a. Những phẩm chất chủ yếu

Nội dung phẩm chất	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước	837	837	100	0	0	0	0
Nhân ái	837	767	91.6	70	8.4	0	0
Chăm chỉ	837	615	73.5	222	26.5	0	0
Trung thực	837	767	91.6	70	8.4	0	0
Trách nhiệm	837	670	80	167	20	0	0

b. Những năng lực cốt lõi:

* Những năng lực chung

Nội dung phẩm chất	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Tự chủ và tự học	837	645	77.1	192	22.9	0	0

Giao tiếp và hợp tác	837	635	75.9	202	24.1	0	0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	837	488	58.3	349	41.7	0	0

* Những năng lực đặc thù

Nội dung phẩm chất	TS HS được đánh giá	Xếp loại					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Ngôn ngữ	837	520	62.1	317	37.9	0	0
Tính toán	837	495	59.1	342	40.9	0	0
Khoa học	837	484	57.2	353	42.2	0	0
Thẩm mỹ	837	495	59.1	342	40.9	0	0
Thể chất	837	555	66.3	282	33.7	0	0
Công nghệ	363	193	53.2	170	46.8	0	0
Tin học	363	217	59.8	146	40.2	0	0

3. Tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục đối với lớp 1, 2, 3.

TS số HS	TS HS được đánh giá	Hoàn thành xuất sắc		Hoàn thành tốt (HS tiêu biểu)		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	200	63	31.5	45	22.5	92	46	0	0
2	274	95	34.7	104	38	75	27.3	0	0
3	363	100	27.5	82	22.5	181	50	0	0

4. Đánh giá kết quả học tập các môn học đối với lớp 4,5.

TT	Môn học	TS HS được đánh giá	Hoàn thành Tốt		hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Tiếng Việt	374	210	56.1	164	43.9	0	0
2	Toán	374	201	53.7	173	46.3	0	0
3	Đạo đức	374	238	63.6	136	63.4	0	0

4	Khoa học	374	237	63.4	137	36.6	0	0
5	Lịch sử và Địa lý	374	231	61.8	143	38.2	0	0
6	Âm nhạc	374	191	51	183	49	0	0
7	Mĩ thuật	374	191	51	183	49	0	0
8	Kỹ thuật, Thủ công	374	209	55.9	165	44.1	0	0
9	Thể dục	374	191	51	183	49	0	0
10	Ngoại ngữ	374	224	60	150	40	0	0
11	Tin học	374	220	58.8	154	41.2	0	0

4.1. Đánh giá về Phẩm chất đối với lớp 4,5.

Khối	TS HS được đánh giá	Chăm học, chăm làm						Tự tin, trách nhiệm					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
4	182	144	79.1	38	20.9	0	0	144	79.1	38	20.9	0	0
5	192	124	64.6	68	35.4	0	0	124	64.6	68	35.4	0	0
Tổng	374	268	71.7	106	28.3	0	0	268	71.7	106	28.3	0	0

Khối	TS HS được đánh giá	Trung thực, kỉ luật						Đoàn kết, yêu thương					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	%	SL	%	SL	SL	%	SL	%
4	182	144	79.1	38	20.9	0	0	144	79.1	38	20.9	0	0
5	192	125	69.1	67	30.9	0	0	150	78.1	42	21.9	0	0
Tổng	374	269	71.9	105	28.1	0	0	294	78.6	80	21.4	0	0

4.2. Đánh giá về Năng lực đối với lớp 4,5.

Khối lớp	TS HS được đánh giá	Tự phục vụ, tự quản						Hợp tác						Tự học và giải quyết vấn đề					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
4	182	144	79.1	38	20.9	0	0	144	79.1	38	20.9	0	0	144	71.9	38	20.9	0	0
5	192	124	64.6	68	35.4	0	0	123	64.1	69	35.9	0	0	122	63.5	70	36.5	0	0
Tổng	374	268	71.7	106	28.3	0	0	267	71.4	107	28.6	0	0	266	71.1	108	28.9	0	0

5. Khen thưởng học sinh cuối năm học:

* Lớp 1

Khối lớp	Tổng số HS	DH Học sinh Xuất sắc		DH Học sinh tiêu biểu	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	200	63	31.5	45	22.5
2	274	95	34.6	104	38
3	363	100	27.5	82	22.5
Tổng	837	258	30.1	231	27.6

* Lớp 3, 4, 5:

Khối lớp	Tổng số HS	HS HTSX các nội dung HT và RL		HS có thành tích vượt trội	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
4	182	47	25.8	135	74.2
5	192	54	28.1	127	66.1
Tổng	374	101	27	262	70

6. Kết quả các kỳ thi, giao lưu và một số hoạt động khác:

Xếp loại	Khối									
	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
HS lớp 5 đạt giải OLIMPIC Tiếng Anh cấp quận									19	9.9
HS lớp 5 đạt giải OLIMPIC Tiếng Anh cấp TP									3	1.6
Chi đội mạnh							4	100	4	100
Lớp học thân thiện, học sinh tích cực	6	100	9	100	9	100	4	100	4	100
Lớp vở sạch chữ đẹp	6	100	9	100	9	100	4	100	4	100

III. Các công tác khác:

1. Công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ:

- Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1: số lượng 200 em; tỷ lệ: 100%
- Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: số lượng 192 em; tỷ lệ 100%
- Đăng ký hoàn thành PCGD tiểu học mức độ: 3
- Đăng ký đạt chuẩn Xóa mù chữ mức độ: 2

2. Công tác bán trú:

2.1. Tên đơn vị cung ứng, địa chỉ đơn vị cung ứng xuất ăn bán trú.

- Nhà trường tổ chức ăn bán trú cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5.
- Hợp đồng với Công ty TNHH chế biến xuất ăn Hoa Sữa. Công ty này có trách nhiệm nấu bếp và hợp đồng với các công ty khác để cung cấp thực phẩm cho bếp ăn bán trú. Nhà trường và công ty TNHH chế biến xuất ăn Hoa Sữa đảm bảo phối kết hợp tốt trong công tác bán trú và cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Mức thu tiền ăn bán trú theo thỏa thuận với PHHS: 30.000đồng/1em/ngày. Được thực hiện 2 bữa/ngày (một bữa chính và một bữa phụ) các bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng cho học sinh.

2.2. Tên đơn vị và địa chỉ cung cấp nước uống tinh khiết:

- Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông
- Số tiền nước trên 1 tháng/ học sinh: 12.000đ/học sinh/tháng.

3. Phong trào thể dục, thể thao, văn nghệ:

- Thành lập các đội tuyển TDTT (cầu lông, bóng bàn, cờ vua, cờ tướng, bóng đá, điền kinh). Thành lập các đội văn nghệ (của lớp, của trường).

4. Công tác đội :

- Thực hiện các hoạt động theo chương trình công tác đội năm học 2022-2023 do quận đoàn kết hợp với PGD xây dựng.
- Xây dựng kế hoạch và báo cáo công tác đội theo chủ đề, chương trình mà hội đồng đội và PGD quy định. Đủ hồ sơ, cập nhật hiệu quả các loại sổ theo quy định.
- Phát động các phong trào hoạt động đội theo chủ đề, chủ điểm
- Tham gia đầy đủ các cuộc thi do quận Đoàn, của phòng giáo dục phát động.
- **Đăng kí danh hiệu: Liên đội mạnh cấp Trung Ương. Đăng ký nhận cờ dẫn đầu cấp Thành phố.**

5. Công tác bảo quản và sử dụng trang thiết bị, đồ dùng dạy học:

- Mua bổ sung đồ dùng dạy học, bảo quản đồ dùng sau khi sử dụng.
- Giáo viên lên kế hoạch mượn đồ dùng, tranh ảnh thiết bị trước khi dạy 3 ngày và trả thư viện sau khi dạy.
- Trong quá trình dạy học tích cực khai thác triệt để đồ dùng dạy học.
- Thư viện hoạt động theo quy định của thư viện trường tiểu học. Học sinh đọc sách tại thư viện theo TKB.

- Xếp loại: Tốt

6. Công tác đảm bảo an ninh, an toàn trong trường học:

6.1. Công tác an ninh trường học, an toàn giao thông.

- Thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của các cấp, làm tốt công tác tuyên truyền khi tham gia giao thông và đảm bảo an ninh, an toàn trong trường học.
- Cam kết không xảy ra xô xát đánh nhau gây mất trật tự và mất mát tài sản trong nhà trường.
- Không xảy ra các vụ bạo hành, xâm hại, buôn bán trẻ em.
- Toàn bộ PHHS, cán bộ GV nhà trường kí cam kết đội mũ bảo hiểm, không vi phạm khi tham gia giao thông.

6. 2. Phòng chống tai nạn thương tích

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền phòng chống tai nạn thương tích từ trong các tiết học trong, ngoài giờ lên lớp.

6. 3 Phòng chống cháy nổ

- Thành lập đội xung kích phòng cháy chữa cháy ngay từ đầu năm học.
- Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được tuyên truyền tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy.
- Thực hiện kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy theo quy định. Chú trọng công tác phòng cháy tại bếp bán trú.
- Cam kết không để xảy ra cháy nổ trong nhà trường.

7. Công tác vệ sinh trường lớp, phòng chống dịch bệnh theo mùa:

- Hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường Đô thị Hà Đông chịu trách nhiệm thu gom rác toàn trường.
- Nhà trường tổ chức các lớp lao động vệ sinh tại lớp đồng thời tích cực tuyên truyền cho HS đảm bảo về công tác vệ sinh trường lớp, phòng chống dịch bệnh theo mùa, bệnh sốt xuất huyết, covid-19 và phòng chống tai nạn thương tích.
- Phối kết hợp với trạm y tế phường và đài truyền thanh phường tuyên truyền tới PHHS, HS về việc phòng chống dịch bệnh.

- Xếp loại: Tốt

IV. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học:

1/ Tổng số phòng học: 32 trong đó:

- + Số phòng học cấp 4: 0
- + Số phòng học kiên cố: 32.

- Thừa: 0; Thiếu: 0

2/ Tổng số phòng chức năng: 40 trong đó:

- + Phòng thư viện: Số lượng: 04; Diện tích: 446 (m²)
- + Phòng GD nghệ thuật: (Âm nhạc, Mỹ thuật): 04; Diện tích: 235(m²)

- + Phòng Tin học: Số lượng: 02; Diện tích: 127.9 (m²)
 - + Phòng dạy Ngoại ngữ: Số lượng: 05; Diện tích: 295 (m²)
 - + Phòng Stem: 01; Diện tích: 52.9 (m²).
 - + Phòng tập đa năng: 01; diện tích: 645 (m²)
 - + Phòng Ban giám hiệu: 03; Diện tích: 96 (m²)
 - + Phòng Kế toán: 01; Diện tích: 24 (m²)
 - + Phòng Văn Thư: 01; Diện tích: 24 (m²)
 - + Phòng y tế: Số lượng: 01; Diện tích: 24 (m²)
 - + Phòng cách ly tạm thời: 01; Diện tích: 24 (m²)
 - + Phòng Đội: 01; Diện tích: 24 (m²)
 - + Phòng hội đồng: 01; Diện tích: 50 (m²)
 - + Phòng hội trường: 01; Diện tích: 149 (m²)
 - + Phòng công đoàn: 01; Diện tích: 24 (m²)
 - + Phòng truyền thông: 01; Diện tích: 50 (m²)
 - + Phòng sinh hoạt chuyên môn: 01; Diện tích: 24 (m²)
 - + Phòng tâm lý học đường: 01; Diện tích: 24 (m²)
 - + Phòng nghỉ giáo viên: 05; Diện tích: 216 (m²)
 - + Phòng thương trực BV: 01; Diện tích: 12 (m²)
 - + Phòng Nhà ăn: 02; Diện tích: 1180 (m²)
 - + Phòng Bếp: 01; Diện tích: 208 (m²)
 - + Nhà để xe giáo viên: 810 (m²)
 - Nhà trường còn thiếu: Không
- 3/ Số phòng dự kiến xây dựng trong năm: 0; thành tiền: 0
- Số phòng học sửa chữa trong năm: 0; thành tiền: 0
 - Xây dựng khác: 0; thành tiền: 0
 - Đồ dùng dạy học:
 - + Tự làm: 05
 - + Tự mua: dự kiến 19.000.000đ.
 - Số lượng sách tham khảo, sách giáo khoa, sách giáo viên: 4054 cuốn.
 - Xây dựng cảnh quan sư phạm nhà trường: Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn - Thân thiện.

B- Giảng dạy của giáo viên:

I. Hoạt động chuyên môn nghiệp vụ:

<i>Y tế</i>	1	1	1	0	0	0		0	1			
<i>Thu quỹ</i>	0											
<i>HD 68</i>	2			2	1	1			2			
- Tổng số	53		42	11	27	27		43	10			

* Tỷ lệ giáo viên/lớp: 1.38.

2. Đăng ký xếp loại giáo viên, tính cả giáo viên hợp đồng, GV dự trữ (theo Quyết định số 20/2018/QĐ- BGD & ĐT, ngày 22/8/2018 Ban hành quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông):

TS GV		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
BC	HD	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
36	9	17	37.7	29	62.3	0	0	0	0

3. Đăng ký xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên (theo Quyết định số 2506-QĐ/QU, ngày 8/6/2018 của Quận ủy Hà Đông về việc QĐ ban hành Quy định khung tiêu chí đánh giá hàng tháng đối với cán bộ, công chức, lao động hợp đồng trong hệ thống chính trị quận Hà Đông):

<i>TS cán bộ quản lý, GV, nhân viên</i>	HT XS (A)		HT Tốt (B)		Hoàn thành nhiệm vụ (C)		Không hoàn thành nhiệm vụ (D)	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Cán bộ quản lý	1	33.3	2	66.7	0	0	0	0
Giáo viên	7	20	28	80	0	0	0	0
Nhân viên	1	20	4	80	0	0	0	0

4. Đăng ký xếp loại cán bộ quản lý (theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 Thông tư về Ban Hành quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở Giáo dục phổ thông).

Cán bộ quản lý	Tốt	Khá	Đạt
Hiệu trưởng	1	0	0
Phó hiệu trưởng	2	0	0

III. Đăng ký danh hiệu thi đua:

1. Đối với tập thể	
Đơn vị nhà trường	Đăng ký danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến
1. Đối với cá nhân	
- Giáo viên dạy giỏi các cấp	+ Cấp trường: SL: 20, tỷ lệ: 45.4%;

- Lao động Tiên tiến:	SL: 52/52, tỷ lệ: 100%
- Chiến sỹ thi đua Cấp cơ sở:	SL: 9, tỷ lệ: 17.3%
- Chiến sỹ thi đua Cấp TP:	SL: 0, tỷ lệ: 0%
- Đề nghị khen cao:	
+ Tập thể:	Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo
+ Cá nhân:	Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo

IV. Công tác kiểm tra:

- Kiểm tra toàn diện: 13 giáo viên, nhân viên: 30%
- Kiểm tra thực hiện quy chế chấm chữa: 44 giáo viên 100 %
- Kiểm tra giáo án, hồ sơ, sổ sách: 44 giáo viên:100%; 4lần/năm
- Dự giờ của hiệu trưởng: 44 giáo viên 100%; 44 tiết
- Dự giờ của hiệu phó chuyên môn: 44 giáo viên 100%; 88 tiết.
- dự giờ của hiệu phó cơ sở vật chất: 44 giáo viên 100%; 60 tiết.

V. Công tác xã hội hoá giáo dục:

1. Các khoản thu xã hội hóa (ghi rõ các khoản thu nếu có): Không

2. Đăng ký tổ chức các câu lạc bộ ngoài giờ chính khóa (nếu có):

Liên kết với Công ty TNHH đào tạo phát triển giáo dục Đông Hà giảng dạy Aerobic, cờ vua.

- Dạy theo chương trình sách Aerobic, cờ vua của Bộ Giáo dục ban hành, có chỉnh sửa nội dung để phù hợp với nội dung của học sinh tiểu học.

- Thời lượng: 1tiết/ tuần
- Kinh phí: + Aerobic 3, 4, 5: 50.000đ/tháng/học sinh
+ Aerobic 1, 2: 80.000đ/tháng/học sinh (chương trình CLC).
+ Cờ vua: 120.000đ/tháng/học sinh (chương trình CLC).

- Số học sinh tham gia (dự kiến):

STT	Khối	Số lớp	Số học sinh		
			Aerobic	Cờ vua	Ghi chú
1	Lớp 1	6	200	200	CLC
2	Lớp 2	9	274	274	CLC
3	Lớp 3	9	Tự nguyện	0	Theo từng tháng
4	Lớp 4	4	Tự nguyện	0	Theo từng tháng
5	Lớp 5	4	Tự nguyện	0	Theo từng tháng
Tổng số		32		474	

3. Đăng ký triển khai dạy làm quen và bổ trợ Tiếng Anh cho học sinh:

(ghi rõ khối lớp sẽ triển khai, hình thức triển khai, tên trung tâm liên kết giảng dạy, chương trình và tài liệu giảng dạy):

Liên kết với Trung tâm Ngoại ngữ Dream Sky. Triển khai:

- Dạy theo chương trình: Hợp tác dạy Tiếng Anh Tiểu học chương trình làm quen cho học sinh khối 1, 2, chương trình bổ trợ bổ trợ tiếng Anh cho học khối 3, 4, 5.

- Thời lượng:

+ Học sinh lớp 1, 2: 2 tiết/tuần (70 tiết/năm học 9 tháng).

+ Học sinh lớp 3: 4 tiết/tuần theo chương trình giáo dục phổ thông 2018; Học sinh 4, 5: 2 tiết/tuần (70 tiết/năm học 9 tháng) Trong đó 1 tiết/tuần do giáo viên nước ngoài giảng dạy (có trợ giảng) là 1 tiết/tuần do giáo viên Việt Nam giảng dạy bổ trợ cho chương trình 2 tiết của Bộ giáo dục. Tổng thời lượng các tiết tiếng Anh của lớp 4, 5 sẽ là 4 tiết/tuần (bao gồm có 2 tiết chính khóa và hai tiết bổ trợ)

+ Chương trình 2 tiết/tuần áp dụng với khối 1, 2: Trong đó 2 tiết/tuần do giáo viên nước ngoài giảng dạy (có trợ giảng) theo chương trình chất lượng cao.

- Giáo trình:

+ Học sinh khối 1, 2: Sách I-Learn Smart Star grade 1, 2 Nhà xuất bản đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Học sinh khối 3, 4, 5; Sách tiếng Anh 3,4,5 của nhà xuất bản Giáo dục.

+ Tài liệu bổ trợ: Nội dung tài liệu được biên soạn để bổ trợ cho sách Tiếng Anh 3, Tiếng Anh 4, Tiếng Anh 5.

- Dự kiến số lượng học sinh tham gia (dự kiến):

STT	Khối	Số lớp	Số học sinh	Ghi chú
1	Lớp 1	6	200	CLC
2	Lớp 2	9	274	CLC
3	Lớp 3	9	290	Tự nguyện
4	Lớp 4	4	146	Tự nguyện
5	Lớp 5	4	153	Tự nguyện
Tổng số		32	1063	

4. Đăng ký triển khai dạy Tiếng Anh - Toán:

(ghi rõ khối lớp sẽ triển khai, hình thức triển khai, tên trung tâm liên kết giảng dạy, chương trình và tài liệu giảng dạy):

Liên kết với Công ty cổ phần Giáo dục và Du học Quốc tế Việt Úc. Triển khai:

- Thời lượng: Học sinh lớp 3, 4, 5: 1 tiết/tuần.

- Giáo trình: English for Primary Math 3, 4, 5 Nhà xuất bản ĐHSP.

- Dự kiến số lượng học sinh tham gia (dự kiến):

STT	Khối	Số lớp	Số học sinh	Ghi chú
3	Lớp 3	9	Tự nguyện	Theo từng tháng
4	Lớp 4	4	Tự nguyện	Theo từng tháng
5	Lớp 5	4	Tự nguyện	Theo từng tháng
Tổng số		17		

5. Đăng ký triển khai dạy Khoa học - Sáng tạo Stem:

Liên kết với CT CP Đào tạo và phát triển nguồn lực Quốc tế MVA. Triển khai:

- Thời lượng: Học sinh khối 1, 2: 1 tiết/tuần theo chương trình chất lượng cao.

+ Học sinh lớp 3, 4, 5: 1 tiết/tuần.

- Dự kiến số lượng học sinh tham gia (dự kiến):

STT	Khối	Số lớp	Số học sinh	Ghi chú
1	Lớp 1	6	200	CLC
2	Lớp 2	9	274	CLC
3	Lớp 3	9	Tự nguyện	Theo từng tháng
4	Lớp 4	4	Tự nguyện	Theo từng tháng
5	Lớp 5	4	Tự nguyện	Theo từng tháng
Tổng số		17		

6. Đăng ký triển khai dạy Kỹ năng sống:

Liên kết với CT TNHH sáng tạo nghệ thuật Creatkids. Triển khai:

- Thời lượng: Học sinh khối 1, 2: 1 tiết/tuần theo chương trình chất lượng cao.

+ Học sinh lớp 3, 4, 5: 1 tiết/tuần.

- Dự kiến số lượng học sinh tham gia (dự kiến):

STT	Khối	Số lớp	Số học sinh	Ghi chú
1	Lớp 1	6	200	
2	Lớp 2	9	274	
3	Lớp 3	9	Tự nguyện	Theo từng tháng
4	Lớp 4	4	Tự nguyện	Theo từng tháng
5	Lớp 5	4	Tự nguyện	Theo từng tháng
Tổng số		17		

7. Đối với chương trình chất lượng cao lớp 1, 2:

- Nhà trường liên kết với CT CP Giáo dục ISMART triển khai giảng dạy tiếng Anh thông qua môn Toán và Khoa học.
- Liên kết với công ty Cổ phần Công nghệ Bình Minh triển khai giảng dạy chương trình tiếng Anh lớp 1, 2 tích hợp Stem Robotic.
- Liên kết với Trung tâm bồi dưỡng kỹ năng Khai - Chấn - Hưng Phát triển khai giảng dạy Mỹ thuật sáng tạo.

VI/Triển khai phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực:

- Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, khích lệ HS vươn lên trong học tập nhất là học sinh yếu kém.
- Tăng cường ý thức giữ gìn vệ sinh trường lớp.
- Rèn cho HS kỹ năng nói ứng xử làm việc theo nhóm, khả năng tự bảo vệ, phòng chống tai nạn.
- Tổ chức tốt hoạt động tập thể, các trò chơi dân gian, hát đồng giao, dân ca
- Tổ chức các hoạt động giáo dục tuyên truyền, truyền thống tốt đẹp, tạo điều kiện cho học sinh tham quan ngoại khoá.

*** Đăng ký xếp loại trường học thân thiện, học sinh tích cực** (thực hiện theo nội dung công văn số 399/GD&ĐT, ngày 7/6/2010 về việc hướng dẫn đánh giá kết quả phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực):

- Tổng số điểm: 95 điểm Xếp loại: Tốt

VII/ Đăng ký thư viện tiên tiến:

- TS điểm: 90 đạt Không đạt

VIII/ Đăng ký cam kết nhà trường không có đơn thư vượt cấp:

Đăng ký nhà trường không có đơn thư vượt cấp.

IX/ Đăng ký cam kết không có học sinh bỏ học:

Nhà trường cam kết không có học sinh bỏ học.

X/ Đăng ký cam kết không có giáo viên vi phạm Thông tư 17/TT-BGD&ĐT về quy định dạy thêm, học thêm của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

100% giáo viên thực hiện không vi phạm thông tư 17/TT-BGD&ĐT. 100% giáo viên cam kết không dạy thêm trong và ngoài nhà trường dưới mọi hình thức. (Có bản cam kết của từng giáo viên).

Nhà trường cam kết không có giáo viên vi phạm thông tư 17/TT-BGD&ĐT về quy định dạy thêm, học thêm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

XI/ Đăng ký cam kết xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích (theo quyết định số 4458/QĐ-BGD-ĐT ngày 22/8/2007 của Bộ GD & ĐT về việc Quy định xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích):

Đăng ký nhà trường an toàn không xảy ra tai nạn thương tích cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường.

XII/ Đăng ký phấn đấu xây dựng mới trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia và công nhận lại (mức độ đạt):

Phấn đấu trong thời gian tới trường đạt chuẩn Quốc gia đạt mức độ 2.

XIII/ Đăng ký công tác tự kiểm định chất lượng và đánh giá ngoài (mức độ đạt):

Phấn đấu trong thời gian tới kiểm định chất lượng và đánh giá ngoài đạt mức 3.

Hà Đông, ngày 05 tháng 9 năm 2022

Chủ tịch Công đoàn

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hương

Trần Thị Hương

XÉT DUYỆT CỦA PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phòng GD&ĐT quận Hà Đông với nội dung, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2022- 2023 của nhà trường.

Ngày tháng năm 2022

Cán bộ phụ trách Tiểu học

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Bạch Ngọc Lợi